

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2018/HNGĐ-ST

Ngày 29 – 5 – 2018

V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Càn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hải Âu

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Kim Thia là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 84/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ L; cư trú tại: Ấp X, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Trương Quốc D; cư trú tại: Ấp T1, xã T2, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 3 năm 2018 và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Mỹ L thể hiện:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trương Quốc D tổ chức đám cưới vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống, do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra cự cãi nên chị đã bỏ đi từ tháng 4 – 5/2010 cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa vợ chồng không còn tình cảm, mỗi người đã có cuộc sống riêng, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con: Chị và anh D có 02 người con gồm Trương Đăng H và Trương Thị Như H1 do chị đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản và nợ: Không có.

* *Đối với anh Trương Quốc D:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu xin ly hôn của chị L, nhưng anh D không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Trương Quốc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh D là đúng quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trương Quốc D tự nguyện chung sống vào năm 2001 nhưng không đăng ký kết hôn. Khi về chung sống do bất đồng quan điểm nên thường xuyên cự cãi dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc và đã ly thân cách nay 08 năm.

Với nguyên nhân trên, chị L thấy rằng giữa chị và anh D không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không còn đạt được và không thể quay lại chung sống nên yêu cầu được ly hôn với anh D.

Anh D không có ý kiến gì về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân và yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L thấy rằng: Theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*.

Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét, nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến chị L yêu cầu xin ly hôn với anh D mà căn cứ khoản 2 Điều 53

Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh D là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Gồm Trương Đăng H và Trương Thị Như H1 do chị L đang nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh D cấp dưỡng. Anh D không có ý kiến phản đối về yêu cầu này của chị L.

Theo khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

Tại văn bản thể hiện nguyện vọng khi cha, mẹ ly hôn của Trương Đăng H và Trương Thị Như H1 thể hiện: Khi cha, mẹ ly hôn các cháu có nguyện vọng được tiếp tục chung sống cùng với mẹ của các cháu (chị L).

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị L thấy rằng: Từ khi anh, chị ly thân các cháu do chị L nuôi dưỡng, hiện nay các cháu phát triển bình thường, việc học tập được đảm bảo. Điều đó cho thấy, việc chăm sóc và giáo dục, sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của các cháu được đảm bảo.

Do vậy, để ổn định trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; sự phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần, trên cơ sở xem xét nguyện vọng của các cháu cũng như điều kiện hiện nay của chị L nên chấp nhận yêu cầu của chị, giao các cháu cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị L không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và nợ: Chị L xác định không có, anh D không có ý kiến gì về các vấn đề này nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các điều 71, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Mỹ L và anh Trương Quốc D.

- Về con chung: Giao Trương Đăng H và Trương Thị Như H1 cho chị L tiếp tục nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009709 ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi (chị L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm Dơi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Nguyễn Văn Càn